

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. HCM

ĐT: 38.205968 – 38.201310

Email : ctcpin4@gmail.com

Website: <http://www.inso4.com>

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

**(Đã được bổ sung, sửa đổi theo LUẬT DOANH NGHIỆP năm 2014
và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
ngày 21 – 5 - 2016)**

NĂM 2016

Căn cứ vào :

- **Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016**
- **Căn cứ Nghị định 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần;**
- **Căn cứ Quyết định số 4934/QĐ-UB ngày 06/10/2004 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In số 4.**

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ:

1.1 Từ “**Công ty**” trong Điều lệ này được hiểu là **Công ty Cổ phần In số 4**.

1.2 “**Cổ đông**” là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong danh sách của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty

1.3 “**Cổ đông sáng lập**” là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:

- Tham gia thông qua điều lệ lần đầu của công ty cổ phần.
- Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

1.4 “**Cổ phần**” là các phần vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn điều lệ của Công ty.

1.5 “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ góp vốn do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

1.6 “**Trái phiếu**” là hình thức nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu.

1.7 “**Cổ tức**” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

1.8 Cụm từ “**người có liên quan**” trong bản Điều lệ này để chỉ những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp dưới đây:

1.8.1 Doanh nghiệp mẹ và doanh nghiệp con;

1.8.2 Doanh nghiệp và người hoặc nhóm người chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;

1.8.3 Doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp;

1.8.4 Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thuê mua cổ phần để chi phối việc ra quyết định của Công ty;

1.8.5 Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

1.9 “**Vốn điều lệ**” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty.

1.10 “**Ngày thành lập Công ty**” là ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

1.11 “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

1.12 “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành

theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.

1.13 Người quản lý doanh nghiệp là chủ sở hữu, giám đốc doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh công ty hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

1.14 Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

ĐIỀU 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ CÔNG TY, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG

2.1 Tên Công ty : **Công ty Cổ phần In số 4**

2.2 Tên giao dịch :

- Tiếng Anh: **No 4 Printing Joint-Stock Company**

- Tiếng Việt : **Công ty In số 4**

2.3 Tên viết tắt : **IN4 JSC**

2.4 Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: 61 Phạm Ngọc Thạch , Phường 6 , Quận 3 , Tp. Hồ Chí Minh.

Trường hợp thay đổi trụ sở chính hoặc mở thêm địa điểm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

2.5 Công ty Cổ phần In số 4 là công ty cổ phần, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các luật khác có liên quan.

2.6 Công ty là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân độc lập phù hợp với pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, được phép mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng Việt Nam và nước ngoài, chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

2.7 Thời gian hoạt động của Công ty không bị giới hạn. Việc giải thể, phá sản Công ty được quy định cụ thể tại Chương VII của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

ĐIỀU 3. MỤC TIÊU, CHỨC NĂNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

3.1 **Mục tiêu hoạt động:** Công ty được thành lập nhằm huy động mọi khả năng, kinh nghiệm, nguồn vốn, máy móc thiết bị, cơ sở vật chất do các cổ đông đóng góp để hoạt động sản xuất kinh doanh về ngành in đạt hiệu quả tốt, nâng cao lợi nhuận của Công ty, gia tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2 **Chức năng:**

3.2.1 In các loại sản phẩm như : sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ và các loại khác.

3.2.2 Các dịch vụ liên quan đến ngành in.

3.3 **Phạm vi kinh doanh và hoạt động:**

3.3.1 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo nội dung của Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, phù hợp với quy định của pháp luật.

3.3.2 Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

- 4.1 Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện; bình đẳng; dân chủ; công khai; tôn trọng pháp luật; bảo toàn vốn và sinh lợi.
- 4.2 Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận hoặc cùng chịu lỗ và chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi phần vốn đã góp vào Công ty. Lợi ích hợp pháp của pháp nhân, thể nhân góp vốn được pháp luật bảo vệ.
- 4.3 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- 4.4 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị, điều hành Công ty giữa các kỳ Đại hội đồng cổ đông; bầu Ban Kiểm soát để kiểm soát hoạt động Công ty.
- 4.5 Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 5 . TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC

- 5.1 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của Đảng.
- 5.2 Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản trong Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.
- 5.3 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và các qui chế hoạt động của các tổ chức này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 6. QUYỀN CỦA CÔNG TY

Công ty có các quyền:

- 6.1 Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.
- 6.2 Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn theo các quy định của pháp luật. Được chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu; được thế chấp các tài sản hoặc giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng để vay vốn sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- 6.3 Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng Quản trị và pháp luật hiện hành.
- 6.4 Tự chủ sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua, thuê tài sản theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Chủ động áp dụng phương thức quản lý, khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 6.5 Tuyển chọn, đào tạo, sử dụng lao động hoặc cho thuê việc theo quy định của pháp luật, tổ chức bộ máy nhân sự, lựa chọn hình thức trả lương, thưởng phù

- hợp với mục tiêu và nội dung hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.
- 6.6 Thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển hoặc đóng cửa các chi nhánh và văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Điều lệ này và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 6.7 Quyết định phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau khi đã thực hiện đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và trích lập các quỹ theo Điều lệ.
- 6.8 Khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- 6.9 Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7. NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Công ty có các nghĩa vụ:

- 7.1 Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
- 7.2 Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty.
- 7.3 Ghi chép sổ sách kế toán, lưu giữ các chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- 7.4 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của mình, chịu trách nhiệm vật chất trong phạm vi vốn điều lệ.
- 7.5 Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; lập các báo cáo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 7.6 Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường và phòng cháy chữa cháy.
- 7.7 Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Luật lao động, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các qui định có liên quan.
- 7.8 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

VỐN HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 8. VỐN ĐIỀU LỆ

- 8.1 Vốn điều lệ do các cổ đông Công ty tự nguyện đóng góp. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành lần đầu đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ.
- 8.2 Vốn điều lệ có thể được góp bằng tiền đồng Việt Nam, bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, ... Vốn góp phải phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất

kinh doanh và được hạch toán theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam (VNĐ). Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị là người xác định giá trị các tài sản góp vốn. Hội đồng quản trị có thể chỉ định các tổ chức giám định độc lập tiến hành công việc giám định giá trị tài sản góp vốn.

- 8.3 Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng (12 tỷ đồng), chia làm 1.200.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000đ (mười ngàn đồng). Cơ cấu vốn phát hành của các cổ đông như sau:
- 8.3.1. Cổ đông Nhà nước: góp 45 % vốn điều lệ, tương ứng với 540.000 cổ phần, và là cổ đông sáng lập của Công ty.
- 8.3.2. Cổ đông khác: góp 55% vốn điều lệ, tương ứng với 660.000 cổ phần.
- 8.4 Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu kinh doanh và quy mô hoạt động của Công ty. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định. Thủ tục tăng hoặc giảm vốn Điều lệ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- 8.5 Công ty có thể tăng vốn điều lệ dưới các hình thức sau:
- 8.5.1. Phát hành thêm cổ phiếu mới theo các quy định của pháp luật;
- 8.5.2. Chuyển từ các quỹ và/hoặc lợi nhuận giữ lại thành cổ phần cho các cổ đông hoặc chuyển trái phiếu thành cổ phiếu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật.
- 8.6 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, giá cổ phiếu phát hành mới có thể cao hoặc thấp hơn mệnh giá cổ phần ghi trong Điều lệ, do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán cổ phiếu đó, ngoại trừ những cổ phiếu được ưu tiên bán cho các cổ đông cũ.
- 8.7 Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo quy định của luật pháp và Điều lệ này. Các cổ phần được Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ, có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 8.8 Sau khi tăng hoặc giảm vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 8.9 Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và đầu tư của Công ty như:
- 8.9.1 Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị, mở rộng quy mô hoạt động của Công ty;
- 8.9.2 Phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ;
- 8.9.3 Mua cổ phiếu, góp vốn, liên doanh,...;
- 8.9.4 Các dự trữ cần thiết về bất động sản,...;
- 8.9.5 Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 9. CÁC LOẠI VỐN KHÁC

- 9.1 Công ty được quyền huy động vốn khác để sử dụng vào mục đích sản xuất doanh và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn, lãi và phí (nếu có).

- 9.2 Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc phát hành các loại chứng khoán nợ ra công chúng và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 9.3 Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu.
- 9.4 Công ty thừa nhận quyền chuyên nhượng, cầm cố và thừa kế của các chủ nợ sở hữu trái phiếu của Công ty. Việc chuyên nhượng, cầm cố và thừa kế phải tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương IV

CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 10. CỔ PHẦN

Cổ phần của Công ty bao gồm các loại sau:

- 10.1 Cổ phần phổ thông: Tổng số cổ phần phổ thông tại thời điểm thành lập Công ty là: một triệu hai trăm ngàn cổ phần. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- 10.2 Cổ phần khác: Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông để phát hành thêm một số loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật khi Công ty có nhu cầu huy động vốn.

ĐIỀU 11. CỔ PHIẾU

- 11.1 Tất cả cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu không ghi tên (cổ phiếu vô danh), trừ cổ phiếu của các loại cổ phần sau:
- 11.1.1 Toàn bộ cổ phần phổ thông của cổ đông Nhà nước.
- 11.1.2 Số cổ phần phổ thông được bán với giá ưu đãi hoặc bán trả góp;
- 11.2 Người sở hữu cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ của mình.
- 11.3 Đăng ký cổ phiếu:
- 11.3.1 Chủ sở hữu cổ phiếu có ghi tên hoặc không ghi tên phải đăng ký tên cổ đông và số lượng cổ phần sở hữu vào Sổ đăng ký cổ đông của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.
- 11.3.2 Chủ sở hữu cổ phiếu do chuyển nhượng hoặc thừa kế chỉ trở thành cổ đông chính thức của Công ty sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký cổ phiếu theo quy định của Điều lệ này. Kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, chủ sở hữu cổ phiếu mới được hưởng mọi quyền lợi và có nghĩa vụ của cổ đông Công ty.
- 11.3.3 Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mọi hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ tuân theo sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ CỔ PHẦN

- 12.1 Tất cả cổ phần của Công ty đều được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ đông khi chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán.
- 12.2 Các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần:
 - 12.2.1 Cổ phần do Nhà nước sở hữu được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - 12.2.2 Cổ phần phổ thông được bán với giá ưu đãi chỉ được chuyển nhượng trong sau ba năm kể từ ngày sở hữu. Số cổ phần mua trả chậm của người nghèo chỉ được chuyển nhượng sau ba năm kể từ ngày sở hữu và sau khi đã thanh toán hết nợ. Trong trường hợp đặc biệt, người sở hữu cần chuyển nhượng trước thời hạn trên thì phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
- 12.3 Việc chuyển nhượng cổ phần trong các trường hợp sau đây phải được chấp thuận của Hội đồng quản trị:
 - 12.3.1 Các trường hợp được nêu tại khoản 12.2 của Điều này;
 - 12.3.2 Việc chuyển nhượng hoặc ủy quyền đại diện số cổ phần bằng hoặc lớn hơn 5% tổng số cổ phần của Công ty tại thời điểm tương ứng;
 - 12.3.3 Các cổ đông của Công ty không được chuyển nhượng cổ phiếu hoặc ủy quyền cho đối thủ cạnh tranh hoặc người có liên quan của họ.
- 12.4 Tất cả việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều phải thực hiện bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 13. CỔ ĐÔNG

- 13.1 Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay thể nhân, chủ sở hữu một hay nhiều cổ phần do Công ty phát hành. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
- 13.2 Người đại diện của cổ đông tại Công ty:
 - 13.2.1 Người đại diện của cổ đông pháp nhân là:
 - 13.2.1.1 Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện pháp nhân đó. Người được ủy quyền đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác.
 - 13.2.1.2 Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.
 - 13.2.2 Cổ đông thể nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện.
 - 13.2.3 Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.
 - 13.2.4 Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử

hoặc thay đổi người đại diện cho nhóm cổ đông phải có sự chấp thuận của toàn bộ cổ đông này bằng văn bản.

- 13.3 Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ cổ đông lưu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.

ĐIỀU 14. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

Cổ đông phổ thông có quyền:

- 14.1 Tham dự hoặc cử đại diện tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; việc cử đại diện phải được lập thành văn bản, mỗi văn bản chỉ có giá trị một lần;
- 14.2 Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 14.3 Được ưu tiên mua cổ phần phát hành mới tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông;
- 14.4 Được chuyển nhượng, thừa kế hoặc cầm cố cổ phần theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành;
- 14.5 Trường hợp Công ty giải thể, phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại (nếu có) tương ứng với tỉ lệ vốn góp sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 14.6 Trong trường hợp không đồng ý với quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này, cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại số cổ phần do mình sở hữu theo các nguyên tắc sau:
- 14.6.1 Yêu cầu bằng văn bản, ghi rõ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề trên.
- 14.6.2 Giá mua lại cổ phần của Công ty được căn cứ theo giá của thị trường tại thời điểm có quyết định đồng ý mua lại hoặc theo giá thỏa thuận của hai bên.
- 14.6.3 Trong trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
- 14.6.4 Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Hội đồng quản trị phải xem xét và có quyết định về vấn đề này.
- 14.7 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền:
- 14.7.1 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- 14.7.2 Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- 14.7.3 Đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Điều kiện đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo khoản 25.1, 25.2 Điều 25 và khoản 35.1 Điều 35 Điều lệ này.
- 14.7.4 Được thông tin về hoạt động của Công ty, được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty).

ĐIỀU 15. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

- 15.1 Góp vốn đủ và đúng thời hạn như đã cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.
- 15.2 Chịu rủi ro về thua lỗ và gánh chịu các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty theo tỷ lệ sở hữu và trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
- Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
- 15.3 Tuân thủ Điều lệ, các quy chế của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- 15.4 Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty.
- 15.5 Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- 15.6 Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản khi thay đổi địa chỉ của mình để Công ty có điều kiện chuyển thông báo và gửi tài liệu khi có yêu cầu.
- 15.7 Thực hiện các nghĩa vụ khác do Điều lệ này và luật pháp quy định.

Chương V TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 16. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

- 16.1 Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.
- 16.2 Đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 17. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Đại hội cổ đông thành lập Công ty
- Đại hội cổ đông thường niên
- Đại hội cổ đông bất thường

ĐIỀU 18. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

- 18.1 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 18.2 Thông qua báo cáo định kỳ của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;
- 18.3 Thông qua quyết toán tài chính hàng năm. Quyết định tỉ lệ trích lập và phương án sử dụng các quỹ của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Quyết định mức chia cổ tức hàng năm;
- 18.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 18.5 Xem xét và xử lý các vi phạm của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- 18.6 Điều chỉnh hay hủy bỏ các quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định của Ban Giám đốc Công ty;
- 18.7 Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty, phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
- 18.8 Quyết định việc liên doanh, liên kết, hợp tác, giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tái cơ cấu, giải thể, thanh lý Công ty và chỉ định người thanh lý;
- 18.9 Quyết định mua lại hơn 10% số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- 18.10 Quyết định bán tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất;
- 18.11 Chấp thuận cho Công ty ký kết các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty với các đối tác là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám Đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty và với người liên quan của họ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký kết hợp đồng không có quyền biểu quyết. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật;
- 18.12 Quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản

- xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 18.13 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 18.14 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 19. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

19.1 Đại hội cổ đông thành lập Công ty:

- 19.1.1 Được tiến hành sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của UBND Thành phố .
- 19.1.2 Cuộc họp của Đại hội cổ đông thành lập chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham dự cho ít nhất 51% số cổ đông có quyền biểu quyết.
- 19.1.3 Nội dung của Đại hội cổ đông thành lập:
- Thảo luận và thông qua Đề án hoạt động công ty cổ phần
 - Thảo luận và thông qua Điều lệ
 - Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

19.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- 19.2.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường ít nhất họp mỗi năm 1 lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- 19.2.1.1 Báo cáo tài chính hàng năm;
- 19.2.1.2 Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
- 19.2.1.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- 19.2.1.4 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- 19.2.1.5 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 19.2.2 Mọi cổ đông phổ thông có quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.

Các cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện dự Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu của công ty quy định.

19.2.3 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- 19.2.3.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

- 19.2.3.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm 19.2.3.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- 19.2.3.3 Trường hợp cuộc triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện để tiến hành theo quy định tại điểm 19.2.3.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 19.2.3.4 Chỉ có Đại hội cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 20 của Điều lệ này.
- 19.3 Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập:
- 19.3.1 Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- 19.3.2 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 14.7 Điều 14 của Điều lệ này;
- 19.3.3 Theo yêu cầu của Trường Ban kiểm soát.
- 19.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- 19.4.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- 19.4.2 Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- 19.4.3 Theo yêu cầu của nhóm cổ đông hoặc cổ đông quy định tại khoản 7, điều 14 của điều lệ này;
- 19.4.4 Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- 19.4.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

ĐIỀU 20. THÔNG BÁO TRIỆU TẬP VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 20.1 Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm địa điểm, thời gian, và nội dung chương trình nghị sự. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết đối với các vấn đề trong chương trình họp.
- 20.2 Thông báo về Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyên tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông. Thông báo phải được gửi ít nhất 7 ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông (kể từ ngày thông báo được gửi đi một cách hợp lệ).
- 20.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 14.7 Điều 14 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề và chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 20.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 20.3 của Điều này nếu:
- 20.4.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

20.4.2 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

ĐIỀU 21. THỂ THỨC TIẾN HÀNH VÀ BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 21.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị có mặt sẽ bầu chủ tọa của đại hội.
- 21.2 Đại hội bầu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.
- 21.3 Cổ đông đến Đại hội muộn (trễ giờ) có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- 21.4 Quyết định của chủ tọa cuộc họp về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 21.5 Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết bất cứ lúc nào đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - 21.5.1 Các đại biểu tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở nơi tổ chức đại hội;
 - 21.5.2 Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - 21.5.3 Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 21.6 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tuân thủ các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho rằng thích hợp. Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho cổ đông hoặc đại diện tham dự nếu họ không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh.
- 21.7 Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - 21.7.1 Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - 21.7.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - 21.7.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).
- 21.8 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp được Chủ tọa và Thư ký đại hội xác nhận. Các vấn đề quan trọng phải được lập thành Nghị quyết Đại hội cổ đông. Các văn kiện liên quan đến Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hai ủy viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

ĐIỀU 22. THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- 22.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng các hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 22.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- 22.2.1 Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;
 - 22.2.2 Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - 22.2.3 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 22.2.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 22.2.5 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - 22.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - 22.2.7 Tổ chức lại, giải thể công ty;
- 22.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
- 22.3.1 Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận;
 - 22.3.2 Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành;

Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp qui định tại khoản 1 và khoản 3 điều 144 Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13.
 - 22.3.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - 22.3.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
 - 22.3.5 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

22.3.6 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

22.4 Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

22.4.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

22.4.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

22.4.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

22.4.3.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

22.4.3.2 Mục đích lấy ý kiến;

22.4.3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

22.4.3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

22.4.3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

22.4.3.6 Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

22.4.3.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

22.4.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

22.4.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

22.4.5.1 Tên, địa chỉ, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

22.4.5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- 22.4.5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 22.4.5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - 22.4.5.5 Các quyết định đã được thông qua;
 - 22.4.5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên của Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 22.4.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
 - 22.4.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
 - 22.4.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 23. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, mọi cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- 23.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 23.2 Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 24. Hội đồng quản trị

- 24.1 Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có nhiệm kỳ là 5 năm.
- 24.2 Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị được bầu theo thể thức đa số phiếu, tính theo số cổ phần bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc bằng văn bản.
- 24.3 Cơ quan đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước trong Công ty cổ phần.

- 24.4 Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch HĐQT theo thể thức đa số phiếu (mỗi thành viên HĐQT có một phiếu bầu). Việc bầu có thể tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết.

ĐIỀU 25. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

25.1. Điều kiện ứng cử vào Hội đồng quản trị:

- 25.1.1 Cổ đông pháp nhân sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu số cổ phần tối thiểu 10% cổ phần của Công ty, cổ đông thể nhân sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu số cổ phần tối thiểu 4% cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục sáu tháng.
- 25.1.2 Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị của đối thủ cạnh tranh. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp;
- 25.1.3 Có năng lực kinh doanh, am hiểu về ngành nghề của Công ty;
- 25.1.4 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, có am hiểu luật pháp;
- 25.1.5 Có trình độ văn hóa đại học trở lên.
- 25.1.6 Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

25.2 Điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

- 25.2.1 Mỗi cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ sáu tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử một thành viên, từ 30% đến dưới 50% được đề cử hai thành viên, từ 50% đến dưới 70% được đề cử ba thành viên, từ 70% trở lên được đề cử bốn thành viên để bầu vào HĐQT.

25.2.2 Người được đề cử phải có đủ điều kiện như tại khoản 25.1 Điều này.

25.3 Mất tư cách thành viên:

Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- 25.3.1 Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 25.3.2 Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân hoặc mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
- 25.3.3 Vắng mặt 3 kỳ họp của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 25.3.4 Bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 25.3.5 Công ty bị giải thể trước thời hạn.

25.4 Trường hợp khuyết một thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung:

- 25.4.1 Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh hoặc cổ

đồng pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

- 25.4.2 Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì HĐQT cử một thành viên thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến kỳ Đại hội gần nhất.
- 25.4.3 Trường hợp khuyết quá 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị thì HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
- 25.4.4 Mọi trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị khác do Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định bầu bổ sung.

ĐIỀU 26. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 26.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 26.2 Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 26.2.1 Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
 - 26.2.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - 26.2.3 Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán từng loại;
 - 26.2.4 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán công ty;
 - 26.2.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty hoặc các chức danh thuộc quyền quản lý của HĐQT nếu HĐQT thấy đó là vì lợi ích của Công ty;
 - 26.2.6 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - 26.2.7 Quyết định khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý và nhân viên thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất nếu cán bộ, nhân viên đó gây thiệt hại cho Công ty;
 - 26.2.8 Quyết định tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác cho Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của HĐQT. (Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc thì mức lương và thưởng của Giám đốc do Đại hội cổ đông quyết định);
 - 26.2.9 Trình Đại hội đồng cổ đông: các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, quyết toán tài chính hằng năm;
 - 26.2.10 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, cách thức sử dụng quỹ theo quyết

- định của Đại hội đồng cổ đông;
- 26.2.11 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
 - 26.2.12 Duyệt chương trình, chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường; hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - 26.2.13 Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - 26.2.14 Phê duyệt phương án đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị quan trọng.
 - 26.2.15 Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;
 - 26.2.16 Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản lý gây ra thiệt hại cho Công ty;
 - 26.2.17 Xem xét và ủy quyền cho Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;
 - 26.2.18 Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phần của cán bộ, công nhân viên của Công ty.

ĐIỀU 27. QUYỀN LỢI CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 27.1 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.
- 27.2 Các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý Công ty.
- 27.3 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào của Công ty sẽ được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó.

ĐIỀU 28. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 28.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên HĐQT bầu và có thể kiêm nhiệm Giám đốc.
- 28.2 Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên HĐQT thay mặt đảm trách quản trị Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên còn lại chọn một người tạm thời giữ chức Chủ tịch.
- 28.3 Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - 28.3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 28.3.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 28.3.3 Theo dõi tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 28.3.4 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông;

28.3.5 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 29. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

29.1 Các cuộc họp thường kỳ:

Cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị được tổ chức ít nhất là mỗi quý một lần.

29.2 Các cuộc họp bất thường:

Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

29.2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị;

29.2.2 Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

29.2.3 Trưởng Ban Kiểm soát hoặc hai phần ba thành viên Ban Kiểm soát;

29.2.4 Giám đốc;

29.2.5 Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập (thông qua Ban Kiểm Soát), Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

29.2.6 Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 1 tuần sau khi đề xuất. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp mà không có lý do chính đáng, các thành viên còn lại có trách nhiệm triệu tập cuộc họp.

29.3 Thời gian, địa điểm và chương trình họp:

Thời gian, địa điểm và chương trình họp phải được thông báo và gửi cho các thành viên Hội đồng trước 3 ngày làm việc.

29.4 Số thành viên tham dự tối thiểu:

Cuộc họp chỉ có thể tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện tham dự. Người đại diện tham dự phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

29.5 Biểu quyết:

29.5.1 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc bằng cách hỏi ý kiến thông qua văn bản.

29.5.2 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

29.6 Việc bỏ phiếu của người vắng mặt:

Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác họp thay.

29.7 Biên bản cuộc họp:

Các biên bản sẽ phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị

tham dự cuộc họp.

Những vấn đề được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc đối với các thành viên trong Công ty. Những vấn đề quan trọng phải được lập thành nghị quyết.

ĐIỀU 30. TỪ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 30.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị họp để xem xét và quyết định.
- 30.2 Các thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.
- 30.3 Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong các trường hợp:
 - 30.3.1 Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 30.3.2 Từ chức;
 - 30.3.3 Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 30.3.4 Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.
 - 30.3.5 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên theo quy định của Điều lệ này, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 31. GIÁM ĐỐC

- 31.1 Là người đại diện pháp nhân của Công ty.
- 31.2 Là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.
- 31.3 Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý, điều hành Công ty.
- 31.4 Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc.

ĐIỀU 32. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

- 32.1 Có trình độ chuyên môn, có sức khỏe, có kiến thức và kinh nghiệm quản lý, hiểu biết pháp luật, có năng lực kinh doanh;
- 32.2 Có trình độ văn hóa đại học trở lên;

- 32.3 Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 32.4 Không kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản trị, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

ĐIỀU 33. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM ĐỐC

- 33.1 Tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- 33.2 Thay mặt Công ty tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- 33.3 Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính hàng năm và kế hoạch dài hạn;
- 33.4 Tham khảo ý kiến HĐQT để tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, tiền thưởng và các phụ cấp đối với cán bộ công nhân dưới quyền phù hợp với Luật lao động trừ những vị trí do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- 33.5 Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 33.6 Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty;
- 33.7 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
- 33.8 Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Chịu trách nhiệm về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- 33.9 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 33.10 Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách:
 - 33.10.1 Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT xem xét và quyết định.
 - 33.10.2 Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - 33.10.2.1 Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 33.10.2.2 Bỏ nhiệm sở quá 7 ngày không có lý do chính đáng;
 - 33.10.3 Trường hợp Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới.

ĐIỀU 34. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi

trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

- 34.1 Thực hiện quyền và nhiệm vụ một cách trung thực và khẩn cấp vì lợi ích của Công ty và cổ đông;
- 34.2 Không được lạm dụng quyền hạn để phục vụ cho lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác;
- 34.3 Không được tiết lộ bí mật của Công ty;
- 34.4 Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
 - 34.4.1 Không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
 - 34.4.2 Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho các chủ nợ biết;
 - 34.4.3 Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm 34.4.1 và 34.4.2 của khoản này;
 - 34.4.4 Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;
- 34.5 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 35. ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀO BAN KIỂM SOÁT

- 35.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 2% số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục sáu tháng trở lên được quyền đề cử thành viên hoặc ứng cử vào Ban kiểm soát.
- 35.2 Thành viên của Ban kiểm soát phải là người có sức khỏe, am hiểu luật pháp, có trình độ quản lý kinh tế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
- 35.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát
 - 35.3.1 Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 35.3.1.1 Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 35.3.1.2 Không là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.
 - 35.3.2 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
- 35.4 Ban kiểm soát có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Các thành viên Ban kiểm soát cử một người làm trưởng Ban.
- 35.5 Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 36. QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ QUYỀN LỢI CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- 36.1 Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và có thể kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết công việc tồn đọng.
- 36.2 Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến kiểm toán.
- 36.3 Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).
- 36.4 Thông báo định kỳ 3 tháng tình hình, kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 36.5 Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; những sự kiện tài chính bất thường, những ưu, khuyết điểm trong quản lý của Hội đồng quản trị và Giám đốc.
- 36.6 Xem xét các hệ thống kiểm soát nội bộ, những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
- 36.7 Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hạch toán vào chi phí Công ty.
- 36.8 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được phép họp ít hơn 4 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu trong cuộc họp là hai người;
- 36.9 Giữ bí mật của Công ty;
- 36.10 Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thực hiện nhiệm vụ;
- 36.11 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;
- 36.12 Mỗi thành viên Ban Kiểm soát mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - 36.12.1 Bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
 - 36.12.2 Từ chức, từ nhiệm;
 - 36.12.3 Mất năng lực hành vi dân sự;
 - 36.12.4 Vắng mặt liên tiếp trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết định rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT:

- 37.1 Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- 37.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- 37.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- 37.4 Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội

đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;

ĐIỀU 38. CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

38.1 Chế độ tuyển dụng:

Việc tuyển dụng lao động và trả lương cho người lao động được thực hiện theo các quy định của Luật lao động và tiêu chuẩn của Công ty.

38.2 Chế độ, quyền hạn và nghĩa vụ của người lao động trong công ty:

38.2.1 Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo pháp luật được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện;

38.2.2 Các quyền lợi khác và nghĩa vụ được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 39. CỔ TỨC

39.1 Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả.

39.2 HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm trả cổ tức.

39.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

39.4 Cổ tức được chi trả bằng đồng Việt Nam, và có thể được thanh toán bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển vào tài khoản của cổ đông tại ngân hàng nếu cổ đông yêu cầu. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

39.5 Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho tiền mặt.

39.6 Tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn 6 tháng.

ĐIỀU 40. PHÂN CHIA THU NHẬP

Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, thu nhập hàng năm của Công ty được trích lập theo các trình tự như sau:

- 40.1 Theo quy định hiện hành, trong 2 năm đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đơn vị sẽ được miễn giảm 100% thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền miễn giảm này sẽ được sử dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.
- 40.2 Dự phòng 5% thu nhập để bù đắp các khoản chi không được tính vào chi phí tính thuế của Công ty.
- 40.3 Trích 20% thu nhập sau thuế vào Quỹ khen thưởng phúc lợi để chi trả cho CB. CNVC trong năm theo Bản Thỏa ước Lao động Tập thể đã được ký kết giữa người sử dụng lao động và đại diện người lao động.
- 40.4 Trích các quỹ khác (nếu có) theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 41. NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

- 41.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
- 41.2 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS). Đơn vị hạch toán là đồng Việt Nam.

ĐIỀU 42. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- 42.1 Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 42.2 Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính cùng với báo cáo của Ban Kiểm soát phải được gửi tới tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít nhất 5 ngày trước Đại hội đồng cổ đông.
- 42.3 Báo cáo tóm tắt tài chính hàng năm được công bố công khai tại trụ sở Công ty.
- 42.4 Báo cáo tài chính phải được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 43. KIỂM TOÁN

- 43.1 Trường hợp có yêu cầu theo qui định của pháp luật, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.
- 43.2 Việc chọn công ty kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Ban Kiểm soát.

ĐIỀU 44. CON DẤU

44.1 Con dấu của Công ty được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

44.2 Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo đúng quy định của pháp luật .

Chương VII

GIẢI THỂ, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 45. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 45.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi Công ty bị thua lỗ 3/4 vốn điều lệ hoặc gặp khó khăn không còn khả năng hoạt động kinh doanh; mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được hoặc không đem lại hiệu quả;
- 45.2 Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động;
- 45.3 Có yêu cầu chính đáng của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 2/3 vốn điều lệ của Công ty.
- 45.4 Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Công ty khi:
 - Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hành động.
 - Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
 - Có sự bất đồng nội bộ và 2 hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.
- 45.5 Việc giải thể Công ty trong bất kỳ trường hợp nào đều phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định với sự đồng ý của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 3/4 vốn điều lệ của Công ty;
- 45.6 Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 45.7 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

ĐIỀU 46. THANH LÝ

- 46.1 Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông thành lập Ban Thanh lý thay thế cho Hội đồng quản trị. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Hội đồng Thanh lý cùng với Ban Kiểm soát chuẩn bị các thủ tục theo quy định để thực hiện công việc của mình. Ban Thanh lý có

thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập để giúp việc.

- 46.2 Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 46.3 Tiền thu được từ thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- 46.3.1 Các chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý;
 - 46.3.2 Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - 46.3.3 Các khoản vay (nếu có);
 - 46.3.4 Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 46.3.5 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản nợ được nêu trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

ĐIỀU 47. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

- 47.1 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới Công ty hay tới quyền của các cổ đông, giữa:
- 47.1.1 Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
 - 47.1.2 Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Cán bộ Quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố liên quan tới tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Khi tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể đề nghị một bên thứ ba độc lập với tư cách là trọng tài để giải quyết tranh chấp.
- 47.2 Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.
- 47.3 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 48. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

- 48.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 48.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật, khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 49. HIỆU LỰC THI HÀNH

- 49.1 Điều lệ của Công ty Cổ phần In số 4 gồm 8 chương 50 Điều đã được thông qua vào ngày 21 tháng 05 năm 2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 49.2 Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 49.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 49.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- 49.5 Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ - công nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.

ĐIỀU 50. CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2016

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

